

Số: TVHN-190/DNAN

Đà Nẵng, ngày 09 tháng 7 năm 2026

**BẢN TIN DỰ BÁO, CẢNH BÁO THỦY VĂN THỜI HẠN NGẮN  
THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

**1. Diễn biến tình hình thủy văn đã qua**

Trong 24 - 36h qua, dòng chảy các sông trên địa bàn thành phố Đà Nẵng diễn biến như sau:

- + Trên sông Vu Gia biến đổi chậm.
- + Trên sông Hàn dao động theo thủy triều.
- + Trên sông Thu Bồn biến đổi chậm, hạ lưu dao động theo thủy triều.
- + Trên sông Tam Kỳ dao động theo thủy triều.

**2. Dự báo, cảnh báo**

**2.1. Diễn biến xu thế mực nước, lưu lượng nước**

Trong 24 - 36h tới, dòng chảy các sông trên địa bàn thành phố Đà Nẵng diễn biến như sau:

- + Trên sông Vu Gia biến đổi chậm.
- + Trên sông Hàn dao động theo thủy triều.
- + Trên sông Thu Bồn biến đổi chậm, hạ lưu dao động theo thủy triều.
- + Trên sông Tam Kỳ dao động theo thủy triều.

**2.2. Khả năng xuất hiện các hiện tượng thủy văn nguy hiểm:** Không

**2.3. Khả năng tác động đến môi trường, điều kiện sống, cơ sở hạ tầng, các hoạt động kinh tế- xã hội:** Xâm nhập mặn ở vùng hạ lưu sông ảnh hưởng không lớn đến các hoạt động sinh hoạt và sản xuất.

*Thời gian ban hành bản tin tiếp theo: 11h30 ngày 10/7/2026*

*Tin phát lúc 11h30.*

**Nơi nhận:**

- VP UBND TP Đà Nẵng;
- BCH PTDS TP Đà Nẵng;
- Báo và PTTH TP Đà Nẵng;
- Sở NN&MT TP Đà Nẵng;
- Phòng QLDB và TTDL;
- Trung tâm TT&DL KTTV;
- Các Trạm KTTV TP Đà Nẵng;
- Lưu;

**Người chịu trách nhiệm  
ban hành bản tin**



**Trần Thị Quỳnh Như**

## PHỤ LỤC

### Phụ lục 1: Bảng mực nước, lưu lượng thực đo và dự báo các trạm

*Bảng 1.1: Mực nước thực đo và dự báo các trạm trong vùng ảnh hưởng triều*

*Đơn vị: m*

| Sông    | Trạm      | Thực đo<br>(07h/08-07h/09/7/2026) |       | Dự báo<br>(07h/09-07h/10/7/2026) |       |
|---------|-----------|-----------------------------------|-------|----------------------------------|-------|
|         |           | Hmax                              | Hmin  | Hmax                             | Hmin  |
| Cầm Lệ  | Cầm Lệ    | 0.28                              | -0.32 | 0.30                             | -0.40 |
| Thu Bồn | Giao Thủy | 0.59                              | 0.05  | 0.67                             | 0.11  |
|         | Câu Lâu   | 0.39                              | -0.12 | 0.42                             | -0.24 |
| Tam Kỳ  | Tam Kỳ    | 0.32                              | -0.27 | 0.33                             | -0.26 |

| Sông    | Trạm   | Thực đo<br>(19h/07-07h/09/07/2026) |       | Dự báo<br>(07h/09-19h/10/7/2026) |       |
|---------|--------|------------------------------------|-------|----------------------------------|-------|
|         |        | Hmax                               | Hmin  | Hmax                             | Hmin  |
| Thu Bồn | Hội An | 0.32                               | -0.32 | 0.35                             | -0.47 |

*Bảng 1.2: Mực nước thực đo và dự báo các trạm trong vùng không ảnh hưởng triều*

*Đơn vị: m*

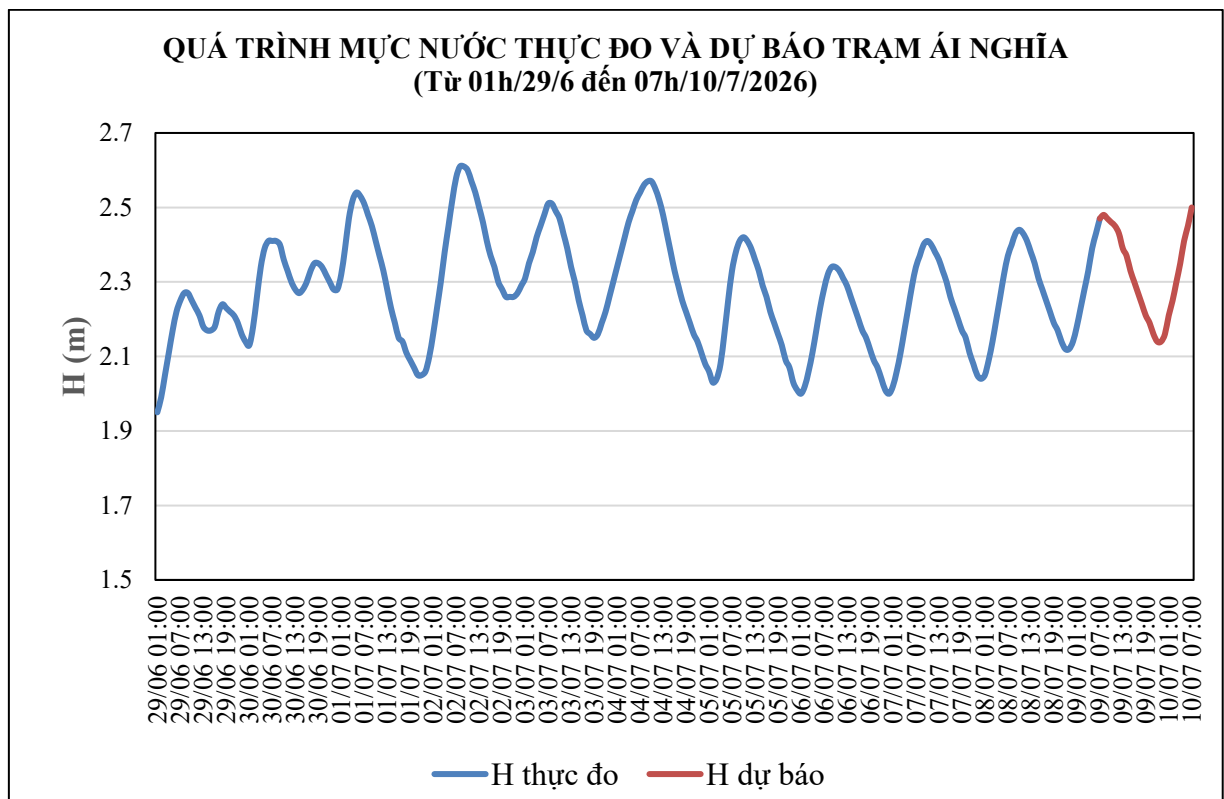
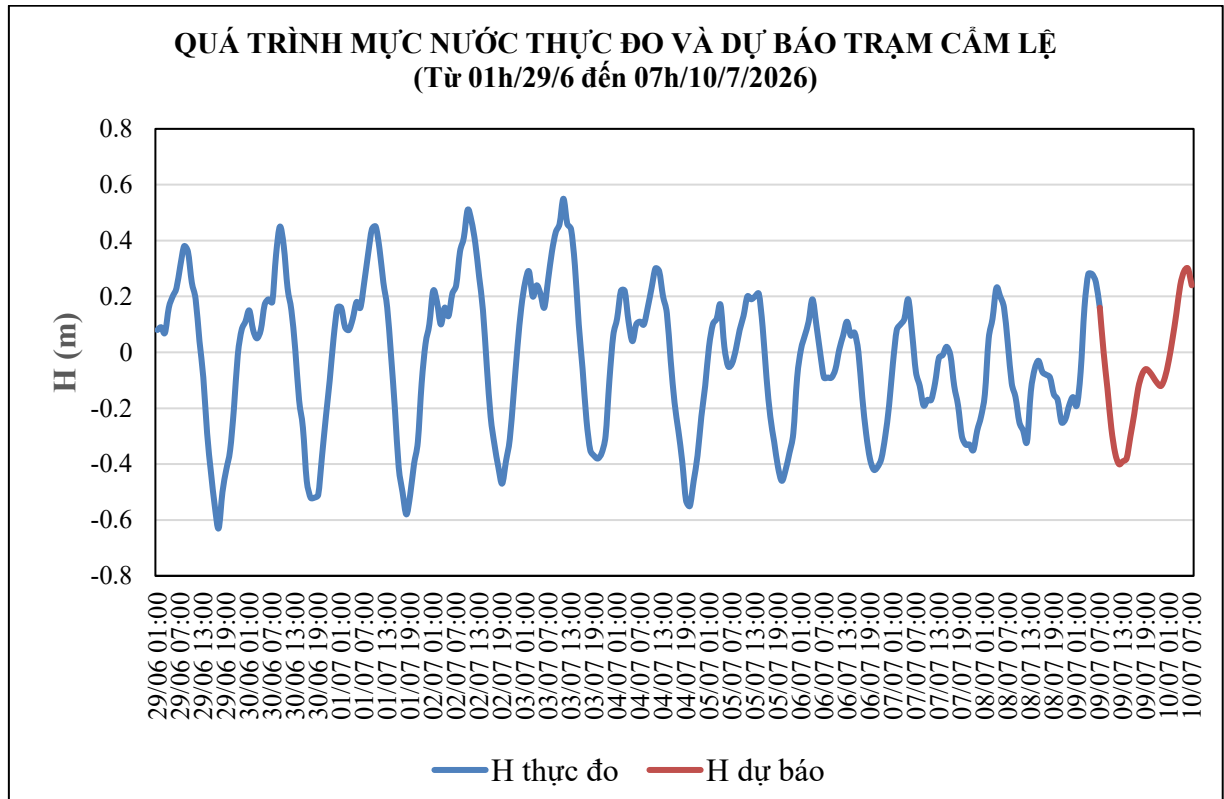
| Sông    | Trạm      | Mực nước thực đo |           |          |          | Mực nước dự báo |           |           |           |
|---------|-----------|------------------|-----------|----------|----------|-----------------|-----------|-----------|-----------|
|         |           | 13h00/8/7        | 19h00/8/7 | 1h00/9/7 | 7h00/9/7 | 13h00/9/7       | 19h00/9/7 | 1h00/10/7 | 7h00/10/7 |
| Vu Gia  | Thành Mỹ  | #                | 11.12     | 11.13    | 11.10    | 11.10           | 11.13     | 11.14     | 11.10     |
|         | Hội Khách | 7.92             | 7.89      | 8.15     | 8.08     | 7.93            | 7.89      | 8.17      | 8.12      |
|         | Ái Nghĩa  | 2.38             | 2.19      | 2.18     | 2.47     | 2.39            | 2.21      | 2.21      | 2.50      |
| Thu Bồn | Hiệp Đức  | 11.79            | 12.23     | 13.33    | 12.45    | 11.82           | 12.21     | 13.30     | 12.47     |
|         | Nông Sơn  | 3.79             | 3.36      | 3.42     | 4.04     | 3.80            | 3.31      | 3.47      | 4.01      |

*Bảng 1.3: Lưu lượng thực đo và dự báo các trạm trong vùng không ảnh hưởng triều*

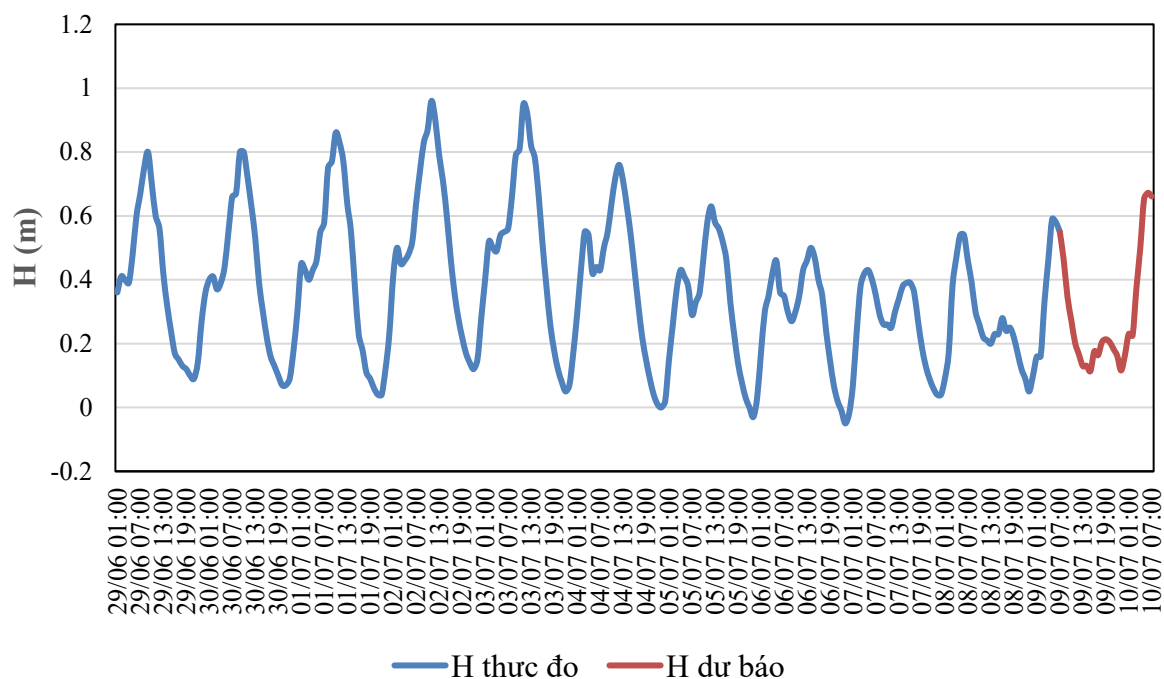
*Đơn vị: m<sup>3</sup>/s*

| Sông    | Trạm     | Lưu lượng thực đo |           |          |          | Lưu lượng dự báo |           |           |           |
|---------|----------|-------------------|-----------|----------|----------|------------------|-----------|-----------|-----------|
|         |          | 13h00/8/7         | 19h00/8/7 | 1h00/9/7 | 7h00/9/7 | 13h00/9/7        | 19h00/9/7 | 1h00/10/7 | 7h00/10/7 |
| Vu Gia  | Thành Mỹ | #                 | 5.04      | 5.20     | 4.72     | 4.72             | 5.20      | 5.37      | 4.72      |
| Thu Bồn | Nông Sơn | 80.3              | 40.2      | 45.0     | 110.0    | 81.4             | 36.5      | 49.2      | 106.0     |

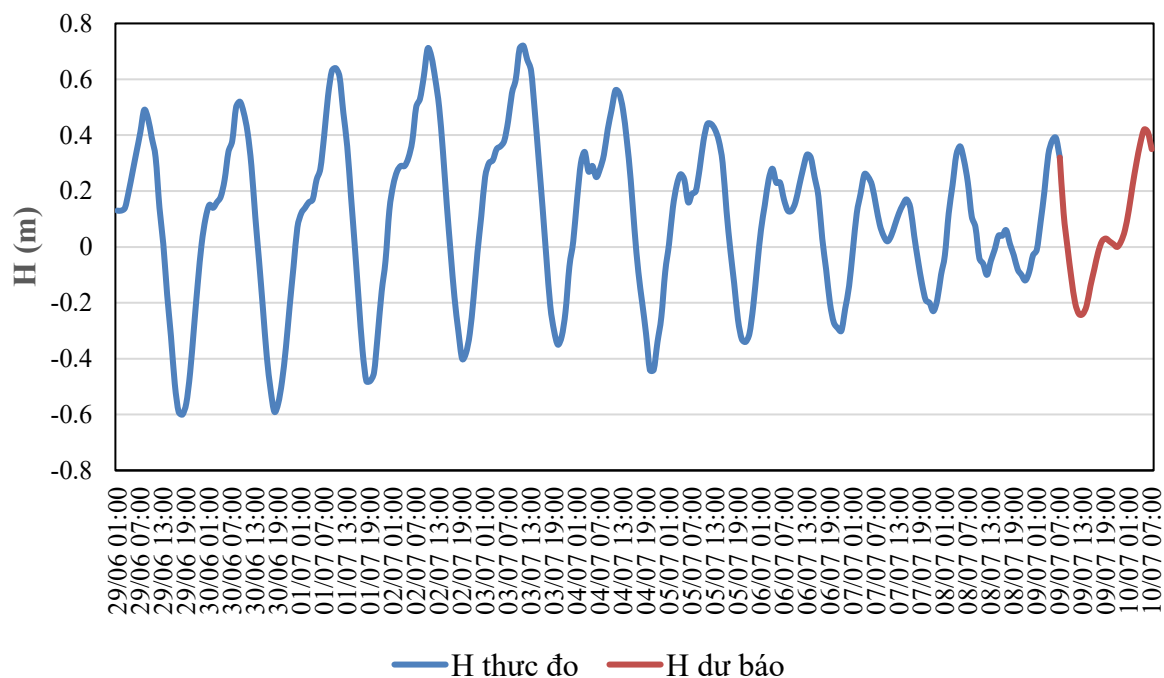
**Phụ lục 2: Đường quá trình diễn biến mực nước thực đo và dự báo các trạm**



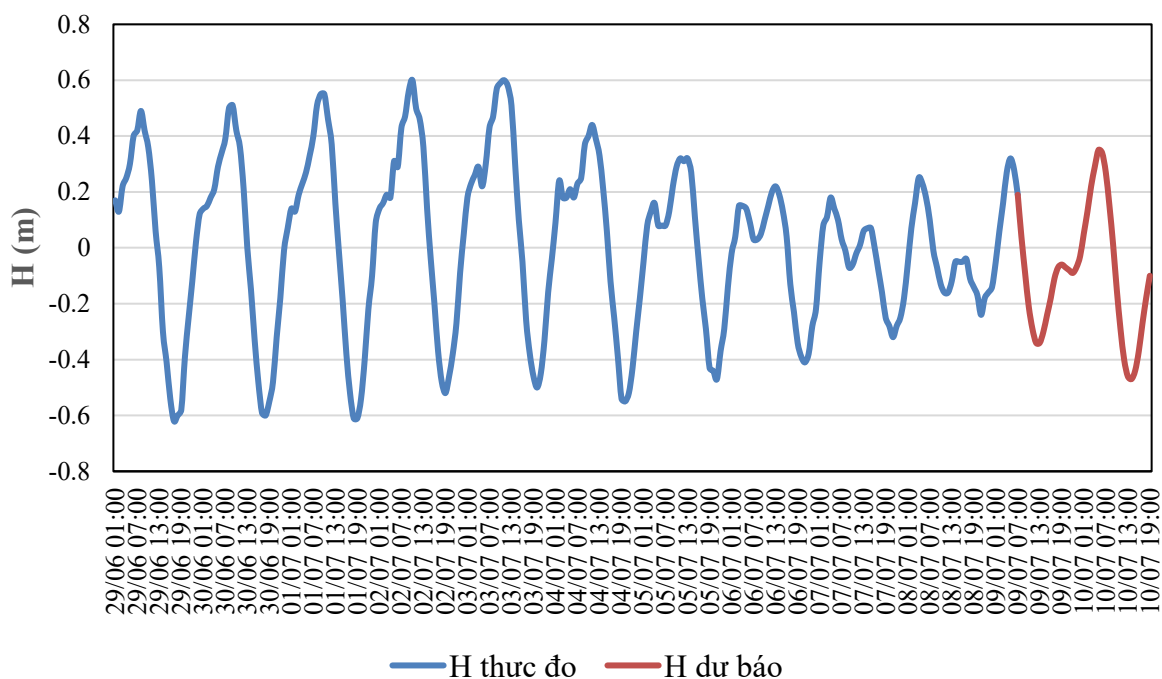
**QUÁ TRÌNH MỨC NƯỚC THỰC ĐO VÀ DỰ BÁO TRẠM GIAO THỦY**  
(Từ 01h/29/6 đến 07h/10/7/2026)



**QUÁ TRÌNH MỨC NƯỚC THỰC ĐO VÀ DỰ BÁO TRẠM CÂU LÂU**  
(Từ 01h/29/6 đến 07h/10/7/2026)



**QUÁ TRÌNH MỨC NƯỚC THỰC ĐO VÀ DỰ BÁO TRẠM HỘI AN**  
(Từ 01h/29/6 đến 07h/10/7/2026)



**QUÁ TRÌNH MỨC NƯỚC THỰC ĐO VÀ DỰ BÁO TRẠM TAM KỲ**  
(Từ 01h/29/6 đến 07h/10/7/2026)

